VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam

Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

Thông tư số 02/2018/TT-BGTVT ngày 09 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định ngưng hiệu lực một phần Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 27/2011/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ về cung cấp, khai thác, xử lý, sử dụng thông tin về hành khách trước khi nhập cảnh Việt Nam qua đường hàng không;

Căn cứ Nghị định số 66/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không;

Căn cứ Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam[1].

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về an ninh hàng không dân dụng, bao gồm: biện pháp kiểm soát an ninh phòng ngừa, xử lý vụ việc vi phạm an ninh hàng không và đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp; hệ thống tổ chức bảo đảm an ninh hàng không của ngành hàng không dân dụng; công trình, trang bị, thiết bị, phương tiện và vũ khí, công cụ hỗ trợ phục vụ bảo đảm an ninh hàng không; kiểm soát chất lượng an ninh hàng không; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong công tác bảo đảm an ninh hàng không.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam hoặc hoạt động hàng không dân dụng trong vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý.

2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động hàng không dân dụng ở nước ngoài nếu pháp luật của nước ngoài không có quy định khác.

3. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng tàu bay công vụ nhằm mục đích dân dụng.

---

[1] Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam."

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Bưu gửi bao gồm thư, gói, kiện hàng hóa được chấp nhận, vận chuyển và phát hợp pháp qua mạng bưu chính.

2. Công cụ hỗ trợ gồm:

a) Các loại súng dùng để bắn đạn nhựa, đạn cao su, hơi cay, hơi ngạt, chất độc, chất gây mê, từ trường, la-de, pháo hiệu và các loại đạn sử dụng cho các loại súng này;

b) Các loại phương tiện xịt hơi cay, hơi ngạt, chất độc, chất gây mê, chất gây ngứa;

c) Các loại lựu đạn khói, lựu đạn cay, quả nổ;

d) Các loại dùi cui điện, dùi cui cao su, dùi cui kim loại, khóa số tám, bàn chông, dây đinh gai, áo giáp, găng tay điện, găng tay bắt dao, lá chắn, mũ chống đạn;

đ) Động vật nghiệp vụ.

3. Điểm kiểm tra an ninh hàng không là các vị trí kiểm tra an ninh hàng không được thiết lập tại các cổng, cửa, lối đi giữa khu vực công cộng và khu vực hạn chế.

4. Đồ vật phục vụ trên tàu bay là vật phẩm để hành khách, tổ bay sử dụng, bán trên tàu bay, trừ suất ăn; các vật phẩm phục vụ cho khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay.

5. Đồ vật, hành lý không xác nhận được chủ là đồ vật bị bỏ tại cảng hàng không, sân bay mà không có căn cứ xác định được chủ của đồ vật đó.

6. Giám sát an ninh hàng không là việc sử dụng riêng lẻ hoặc kết hợp con người, động vật, thiết bị kỹ thuật để quản lý, theo dõi nhằm phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm về an ninh hàng không.

7. Giấy phép nhân viên kiểm soát an ninh hàng không là sự xác nhận của Cục Hàng không Việt Nam cho nhân viên kiểm soát an ninh hàng không có đủ năng lực để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

8. Hàng hóa là tài sản được chuyên chở bằng tàu bay trừ bưu gửi, hành lý, đồ vật phục vụ trên tàu bay và suất ăn.

9. Hàng hóa, bưu gửi trung chuyển là hàng hóa, bưu gửi được vận chuyển tiếp nối trên hai chuyến bay khác nhau trở lên hoặc bằng hai loại hình vận chuyển khác nhau trở lên, trong đó có loại hình vận chuyển bằng đường hàng không.

10. Hành lý là tài sản của hành khách hoặc tổ bay được chuyên chở bằng tàu bay.

11. Hành lý xách tay là hành lý được hành khách, thành viên tổ bay mang theo người lên tàu bay và do hành khách, thành viên tổ bay bảo quản trong quá trình vận chuyển.

12. Hành lý ký gửi là hành lý của hành khách, thành viên tổ bay được chuyên chở trong khoang hàng của tàu bay và do người vận chuyển bảo quản trong quá trình vận chuyển.

13. Hành lý không có người nhận là hành lý đến một cảng hàng không, sân bay mà không được hành khách, tổ bay lấy hoặc nhận.

14. Hành lý thất lạc là hành lý của hành khách, tổ bay bị tách rời khỏi hành khách, tổ bay trong quá trình vận chuyển.

15. Hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi quá cảnh, tạm dừng nội địa là hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi lên lại cùng một chuyến bay tại một cảng hàng không mà hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi đã đến trước đó.

16. Hành khách, hành lý nối chuyến là hành khách, hành lý tham gia trực tiếp vào hai chuyến bay khác nhau trở lên trong một hành trình.

17. Hoạt động kiểm soát chất lượng an ninh hàng không bao gồm thanh tra, kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, đánh giá, điều tra an ninh hàng không:

a) Thanh tra an ninh hàng không là hoạt động thanh tra chuyên ngành hàng không được thực hiện theo các quy định của pháp luật về thanh tra chuyên ngành;

b) Kiểm tra chất lượng an ninh hàng không là việc kiểm tra sự tuân thủ một số hoặc toàn bộ các quy định trong Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không;

c) Thử nghiệm an ninh hàng không là việc sát hạch hiệu quả của một biện pháp bảo đảm an ninh cụ thể bằng cách công khai hoặc bí mật tiến hành một hành vi vi phạm giả định về an ninh hàng không;

d) Khảo sát an ninh hàng không là việc thu thập các thông tin, số liệu để định lượng các nhu cầu an ninh và xác định các trọng điểm cần tập trung bảo vệ;

đ) Điều tra an ninh hàng không là việc tiến hành làm rõ hành vi can thiệp bất hợp pháp, hành vi vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm an ninh hàng không;

e) Đánh giá an ninh hàng không là việc thẩm định sự tuân thủ một số hoặc toàn bộ các tiêu chuẩn, quy định về an ninh hàng không do Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế, nhà chức trách hàng không nước ngoài, hãng hàng không tiến hành.

18. Khu vực cách ly là khu vực được xác định từ điểm kiểm tra an ninh hàng không đối với hành khách đến cửa tàu bay.

19. Khu vực lưu giữ hành lý là nơi lưu giữ hành lý ký gửi chờ chuyển lên tàu bay, lưu giữ hành lý thất lạc hoặc hành lý không có người nhận.

20. Khu vực bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay là khu vực phục vụ cho việc bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay; bao gồm sân đỗ tàu bay, công trình, nhà xưởng, bãi đỗ phương tiện và hệ thống đường giao thông nội bộ.

21. Kiểm soát an ninh nội bộ là biện pháp an ninh phòng ngừa nhằm loại trừ các nguyên nhân, điều kiện để đối tượng khủng bố, tội phạm có thể lợi dụng, móc nối, lôi kéo nhân viên hàng không tiếp tay hoặc trực tiếp thực hiện hành vi khủng bố, phạm tội và các hành vi vi phạm khác.

22. Kiểm tra an ninh hàng không tàu bay là việc kiểm tra bên trong và bên ngoài tàu bay theo danh mục nhằm phát hiện vật đáng ngờ, vật phẩm nguy hiểm.

23. Kiểm tra trực quan là việc nhân viên kiểm soát an ninh hàng không trực tiếp sử dụng tay, mắt và các giác quan khác để kiểm tra người, phương tiện, đồ vật nhằm nhận biết và phát hiện vật đáng ngờ, vật phẩm nguy hiểm.

24. Kiểm tra lý lịch là việc thẩm tra, xác minh nhân thân của một người để đánh giá sự thích hợp với vai trò nhân viên hàng không; cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn.

25. Nhân viên an ninh trên không là người được chính phủ quốc gia khai thác tàu bay hoặc chính phủ quốc gia đăng ký tàu bay ủy quyền, bố trí làm nhiệm vụ trên tàu bay với mục đích bảo vệ tàu bay và hành khách chống lại hành vi can thiệp bất hợp pháp.

26. Niêm phong an ninh là sự xác nhận hàng hóa, đồ vật, phương tiện đã qua kiểm tra an ninh hàng không hoặc tình trạng nguyên vẹn của đồ vật, phương tiện được niêm phong.

27. Sân đỗ tàu bay là khu vực được xác định trong khu bay dành cho tàu bay đỗ để đón, trả hành khách, hành lý, bưu gửi, hàng hóa, tiếp nhiên liệu hoặc bảo dưỡng.

28. Suất ăn là đồ ăn, đồ uống, các dụng cụ sử dụng cho bữa ăn trên tàu bay.

29. Vụ việc vi phạm an ninh hàng không là hành vi vi phạm an ninh hàng không nhưng chưa đến mức là hành vi can thiệp bất hợp pháp.

30. Tàu bay đang bay là tàu bay theo quy định tại khoản 2 Điều 74 của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.

31. Tàu bay đang khai thác là tàu bay mang quốc tịch của Việt Nam hoặc nước ngoài đang đỗ tại sân đỗ, bãi đậu tàu bay để chuẩn bị thực hiện hoạt động bay và có sự giám sát an ninh hàng không liên tục bằng biện pháp thích hợp nhằm phát hiện việc tiếp cận, xâm nhập tàu bay trái phép.

32. Tàu bay không khai thác là tàu bay mang quốc tịch của Việt Nam hoặc nước ngoài đỗ tại sân đỗ, bãi đậu tàu bay trên 12 giờ hoặc không có sự giám sát an ninh hàng không liên tục.

33. Tia X là một dạng của sóng điện từ, có bước sóng trong khoảng từ 0,01 na-nô-mét đến 10 na-nô-mét tương ứng với dãy tần số từ 30 pe-ta-héc đến 30 e-xa-héc và năng lượng từ 120 eV đến 120 keV.

34.[2] Túi nhựa an ninh là túi nhựa chuyên biệt để đựng chất lỏng, các chất đặc sánh, dung dịch xịt mua tại cửa hàngmiễn thuế trong khu vực cách ly quốc tế, mua trên chuyến bay quốc tế. Túi trong suốt có quy cách theo Phụ lục XXV kèm theo Thông tư này, nhìn và đọc được một cách dễ dàng phiếu mua hàng mà không cần mở túi.

35. Vị trí đỗ biệt lập là khu vực trong sân bay dành cho tàu bay đỗ trong trường hợp bị can thiệp bất hợp pháp nhằm cách ly với các tàu bay khác và các công trình của cảng hàng không, sân bay kể cả các công trình, thiết bị ngầm dưới mặt đất để triển khai phương án khẩn nguy.

36. Vũ khí bao gồm vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao và các loại vũ khí khác có tính năng, tác dụng tương tự.

a) Vũ khí quân dụng gồm: súng cầm tay hạng nhỏ (súng ngắn, súng trường, súng tiểu liên, súng trung liên và các loại súng khác có tính năng, tác dụng tương tự); vũ khí hạng nhẹ (súng đại liên, súng cối dưới 100 mi-li-mét, súng ĐKZ, súng máy phòng không dưới 23 mi-li-mét, súng phóng lựu, tên lửa chống tăng cá nhân,

---

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

tên lửa phòng không vác vai) và các loại vũ khí hạng nhẹ khác có tính năng, tác dụng tương tự; các loại bom, mìn, lựu đạn, đạn, ngư lôi, thủy lôi và hỏa cụ; vũ khí không thuộc danh mục vũ khí do Chính phủ ban hành nhưng có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng;

b) Vũ khí thể thao là súng và các loại vũ khí thô sơ dùng để luyện tập, thi đấu thể thao;

c) Súng săn là súng dùng để săn bắn gồm súng kíp, súng hơi và các loại súng khác có tính năng, tác dụng tương tự;

d) Vũ khí thô sơ gồm các loại dao găm, kiếm, giáo, mác, lưỡi lê, đinh ba, đao, mã tấu, quả đấm, quả chùy, cung, nỏ, côn.

37. ICAO là tên viết tắt của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế.

Điều 4. Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không

1. Chương trình an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay do doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay chủ trì, phối hợp với Cảng vụ hàng không và các cơ quan, đơn vị liên quan tại cảng hàng không, sân bay xây dựng trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt.

2. Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không; Quy chế an ninh hàng không của cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu, cơ sở sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay; cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay; cơ sở xử lý hàng hóa, bưu gửi để đưa lên tàu bay do hãng hàng không, người khai thác tàu bay, doanh nghiệp chủ quản cơ sở xây dựng trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt, chấp thuận theo quy định.

3. Nội dung Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay; các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không và hãng hàng không Việt Nam phải được xây dựng theo đề cương quy định tại các Phụ lục I, II, III và IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Thủ tục phê duyệt Chương trình an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi 03 bộ hồ sơ bằng tiếng Việt trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Chương trình an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay.

2. Trường hợp nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 10 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra thực tế và ra quyết định phê duyệt nếu Chương trình an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay đáp ứng đầy đủ các quy định của Thông tư này hoặc có văn bản yêu cầu người khai thác cảng hàng không, sân bay bổ sung, sửa đổi nếu Chương trình an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay chưa đáp ứng đầy đủ các quy định của Thông tư này.

3. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản yêu cầu người khai thác cảng hàng không, sân bay bổ sung.

Điều 6. Thủ tục phê duyệt Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không Việt Nam

1. Hãng hàng không gửi 03 bộ hồ sơ bằng tiếng Việt trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không.

2. Thời gian, quy trình thủ tục thẩm định, phê duyệt Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không Việt Nam như quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 của Thông tư này.

Điều 7. Thủ tục chấp thuận Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không nước ngoài

1. Hãng hàng không gửi 03 bộ hồ sơ bằng tiếng Anh trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không;

c) Bảng đánh giá nội dung khác biệt của Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không với quy định của pháp luật Việt Nam và các biện pháp nhằm khắc phục các khác biệt.

2. Thời gian, quy trình thủ tục thẩm định, chấp thuận Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không như quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 5 của Thông tư này.

Điều 8. Thủ tục phê duyệt Quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu; doanh nghiệp sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay; doanh nghiệp xử lý hàng hóa, bưu gửi để đưa lên tàu bay gửi 03 bộ hồ sơ bằng tiếng Việt trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp.

2. Thời gian, quy trình thủ tục thẩm định, phê duyệt Quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không như quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 của Thông tư này.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không

1. Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không được sửa đổi, bổ sung khi không còn phù hợp với quy định hiện hành hoặc không đáp ứng yêu cầu trong quá trình triển khai, thực hiện theo đề nghị của doanh nghiệp hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Cục Hàng không Việt Nam.

2. Thủ tục phê duyệt, chấp thuận Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không sửa đổi, bổ sung được thực hiện theo quy định tại các Điều 5, 6, 7 và 8 của Thông tư này.

Điều 10. Kiểm soát tài liệu an ninh hàng không

1. Việc xác định độ mật của tài liệu an ninh hàng không được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Tài liệu an ninh hàng không là tài liệu hạn chế, bao gồm:

a) Các Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt, chấp thuận;

b) Khuyến cáo, thông báo, kết luận thanh tra, kiểm tra, thử nghiệm, điều tra, khảo sát, các đánh giá nguy cơ về an ninh hàng không và hồ sơ các vụ việc vi phạm về an ninh hàng không;

c) Các quy chế phối hợp, văn bản hiệp đồng về an ninh hàng không giữa các cơ quan, đơn vị ngành hàng không với các cơ quan đơn vị liên quan;

d) Tài liệu về an ninh hàng không của ICAO hoặc do nước ngoài cung cấp được ICAO và phía nước ngoài xác định là tài liệu hạn chế;

đ) Các văn bản, tài liệu về an ninh hàng không khác mà Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam xác định là tài liệu hạn chế.

3. Các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo quản lý, sử dụng tài liệu an ninh hạn chế đúng mục đích.

4. Tài liệu an ninh hàng không hạn chế chỉ cung cấp cho nơi nhận có ghi trong tài liệu. Việc cung cấp tài liệu cho đầu mối ngoài danh mục nơi nhận tài liệu phải được sự đồng ý bằng văn bản của Thủ trưởng đơn vị ban hành tài liệu và ký nhận. Đối với các tài liệu an ninh hàng không được quy định tại điểm a khoản 2 Điều này phải có dòng chữ "tài liệu hạn chế" tại tất cả các trang của tài liệu.

Chương II
BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT AN NINH PHÒNG NGỪA

Mục 1. HỆ THỐNG THẺ, GIẤY PHÉP KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG VÀO VÀ HOẠT ĐỘNG TẠI KHU VỰC HẠN CHẾ

Điều 11. Hệ thống thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1. Hệ thống thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không bao gồm:

a) Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay loại có giá trị sử dụng dài hạn và loại có giá trị sử dụng ngắn hạn được phép vào và hoạt động tại các khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay;

b) Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ loại có giá trị sử dụng dài hạn và loại có giá trị sử dụng ngắn hạn được phép vào và hoạt động tại các khu vực hạn chế riêng của doanh nghiệp;

c) Thẻ nhận dạng tổ bay của hãng hàng không loại có giá trị sử dụng dài hạn được phép vào và hoạt động tại các khu vực hạn chế có liên quan đến nhiệm vụ của tổ bay.

2. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải được bảo mật, chống làm giả. Cục Hàng không Việt Nam quy định, thống nhất cách thức, biện pháp bảo mật đối với từng loại thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không.

Điều 12. Thẩm quyền cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1.[3] Cục Hàng không Việt Nam

Cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn tại các cảng hàng không, sân bay trên cả nước cho cán bộ, nhân viên của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị, xã hội và các cơ quan, tổ chức nước ngoài hoặc các đối tượng có nhiệm vụ tại nhiều cảng hàng không.

2.[4] Cảng vụ hàng không

a) Cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng tại một hoặc nhiều cảng hàng không, sân bay thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ cho các đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều 16 của Thông tư này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay sử dụng tại một cảng hàng không, sân bay thuộc phạm vi quản lý cho tất cả các đối tượng quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 16 Thông tư này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Người khai thác cảng hàng không, sân bay được Cục Hàng không Việt Nam ủy quyền cấp thẻ, giấy phép dài hạn, ngắn hạn tại một cảng hàng không trong phạm vi quản lý cho cán bộ, nhân viên, phương tiện của mình và người, phương tiện mà người khai thác cảng hàng không, sân bay thuê làm nhiệm vụ xây dựng, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị, công trình của mình.

4. Hãng hàng không Việt Nam và nước ngoài cấp thẻ nhận dạng tổ bay có giá trị sử dụng dài hạn cho tổ bay để thực hiện nhiệm vụ trong chuyến bay.

5. Doanh nghiệp chủ quản khu vực hạn chế cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ có giá trị sử dụng dài hạn, ngắn hạn tại các khu vực hạn chế sử dụng riêng cho doanh nghiệp.

---

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[4] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

Điều 13. Thời hạn, hiệu lực và mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1. Cục Hàng không Việt Nam ban hành mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay.

2. [5]Hãng hàng không Việt Nam ban hành mẫu thẻ nhận dạng tổ bay, doanh nghiệp chủ quản khu vực hạn chế ban hành mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ; các mẫu này không được giống với mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay và phải được thông báo cho Cảng vụ hàng không, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không nơi hãng hàng không khai thác, doanh nghiệp hoạt động để giám sát.

3. [6]Hãng hàng không nước ngoài phải thông báo mẫu thẻ nhận dạng tổ bay cho Cảng vụ hàng không, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không nơi hãng hàng không khai thác để giám sát.

4. [7]Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn có thời hạn hiệu lực tối đa không quá 02 năm kể từ ngày cấp.

5. Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn có thời hạn hiệu lực căn cứ vào yêu cầu của người đề nghị cấp và kết quả đánh giá, thẩm định hồ sơ, bao gồm thẻ được sử dụng 01 lần trong vòng 01 ngày (24 giờ) kể từ thời điểm thẻ được cấp có hiệu lực và thẻ được sử dụng nhiều lần trong thời hạn tối đa không quá 10 ngày kể từ thời điểm thẻ được cấp có hiệu lực.

6. Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay loại có giá trị sử dụng ngắn hạn sẽ có thời hạn hiệu lực căn cứ vào yêu cầu của người đề nghị cấp và kết quả đánh giá, thẩm định hồ sơ nhưng tối đa không quá 01 ngày (24 giờ) kể từ thời điểm giấy phép được cấp có hiệu lực.

---

[5] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[6] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[7] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

7. Thẻ nhận dạng tổ bay của hãng hàng không Việt Nam; thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ loại có giá trị sử dụng dài hạn có thời hạn hiệu lực tối đa không quá 02 năm kể từ ngày cấp; thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ loại có giá trị sử dụng ngắn hạn có thời hạn hiệu lực như quy định tại các khoản 5 và 6 của Điều này.

8. Đối tượng được cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay phải chịu chi phí cấp thẻ, giấy phép theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Nội dung của thẻ kiểm soát an ninh hàng không

1. Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn phải có các thông tin cơ bản sau đây:

a) Số thẻ; ký hiệu cảng hàng không, sân bay được phép vào và hoạt động;

b) Thời hạn hiệu lực của thẻ;

c) Họ và tên của người được cấp thẻ;

d) Chức danh của người được cấp thẻ;

đ) Tên cơ quan, đơn vị của người được cấp thẻ;

e) Ảnh của người được cấp thẻ;

g) Khu vực hạn chế được phép vào và hoạt động;

h) Quy định về sử dụng thẻ.

2. Thẻ kiểm soát an ninh nội bộ có giá trị sử dụng dài hạn phải có các thông tin cơ bản sau đây:

a) Số thẻ; ký hiệu của doanh nghiệp;

b) Thông tin theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này.

3. [8]Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn phải có các thông tin cơ bản quy định tại các điểm a, b, c, g, h khoản 1 Điều này và số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu hoặc số thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn hoặc số thẻ kiểm soát an ninh nội bộ của người được cấp thẻ.

Thẻ kiểm soát an ninh nội bộ có giá trị sử dụng ngắn hạn phải có các thông tin cơ bản quy định tại các điểm a, b, c, g và h khoản 1 Điều này.

---

[8] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

4. Từng khu vực hạn chế trên thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay, thẻ kiểm soát an ninh nội bộ được phân định tương ứng bằng chữ cái, con số, màu sắc hoặc được mã hóa.

5. Thẻ nhận dạng tổ bay có các thông tin cơ bản sau đây:

a) Số thẻ;

b) Thời hạn hiệu lực của thẻ;

c) Họ và tên của người được cấp thẻ;

d) Chức danh của người được cấp thẻ;

đ) Tên, biểu tượng hãng hàng không;

e) Ảnh của người được cấp thẻ.

Điều 15. Nội dung của giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1. Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn, ngắn hạn; giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ có giá trị sử dụng dài hạn phải có các thông tin cơ bản sau đây:

a) Số giấy phép;

b) Thời hạn hiệu lực của giấy phép;

c) Loại phương tiện;

d) Biển kiểm soát phương tiện;

đ) Khu vực hạn chế được phép vào và hoạt động;

e) Cổng ra; cổng vào;

g) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản phương tiện.

2. Giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ có giá trị sử dụng ngắn hạn phải có các thông tin cơ bản quy định tại các điểm a, b và đ khoản 1 Điều này.

3. Từng khu vực hạn chế trên giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ được phân định tương ứng bằng chữ cái, con số hoặc màu sắc.

Điều 16. Đối tượng, điều kiện, phạm vi cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay; thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ phục vụ thi công tại nhà ga, sân bay[9]

---

[9] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

1. Đối tượng được xem xét cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn bao gồm:

a) Cán bộ, nhân viên của các hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay có hợp đồng lao động xác định thời hạn hoặc hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của pháp luật về lao động;

b) Nhân viên của doanh nghiệp giao nhận hàng hóa, bưu gửi bằng đường hàng không;

c) Nhân viên của doanh nghiệp thực hiện khảo sát, thi công, sửa chữa, bảo dưỡng công trình, trang bị, thiết bị tại cảng hàng không, sân bay;

d) Cán bộ, nhân viên của cơ quan nhà nước, cơ quan Trung ương và địa phương của tổ chức chính trị, xã hội;

đ) Người của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam.

2. Cục Hàng không Việt Nam quyết định cấp thẻ cho người của các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài phù hợp với yêu cầu kiểm soát an ninh hàng không tại các khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay.

3. Đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này được cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Không có án tích theo quy định của pháp luật;

b) Được cơ quan, tổ chức chủ quản giao nhiệm vụ làm việc thường xuyên tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay trong thời gian trên 06 tháng liên tục.

4. Việc cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn cho đối tượng tại điểm c khoản 1 Điều này được quy định như sau:

a) Người đề nghị cấp thẻ không có án tích theo quy định của pháp luật; được cơ quan, tổ chức chủ quản giao nhiệm vụ làm việc thường xuyên tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay trong thời gian không dưới 01 tháng liên tục;

b) Không có hoạt động hàng không dân dụng tại khu vực khảo sát, thi công, sửa chữa, bảo dưỡng;

c) Ranh giới khu vực thi công có hàng rào ngăn cách, bảo đảm cách biệt giữa khu vực thi công với các khu vực hạn chế khác và không làm ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của cảng hàng không, sân bay; bảo đảm người, phương tiện trong khu vực thi công không thể xâm nhập vào khu vực hạn chế khác;

d) Có lối ra, vào riêng từ khu vực công cộng đến khu vực thi công và phải có cổng, cửa, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không thực hiện kiểm tra an ninh đối với người, phương tiện, đồ vật ra vào. Trường hợp không có lối đi riêng mà phải đi qua khu vực hạn chế khác, phải có nhân viên kiểm soát an ninh hàng không áp tải người, phương tiện khi qua khu vực hạn chế;

đ) Có phương án bảo đảm an ninh khu vực thi công được Cảng vụ hàng không thẩm định, chấp thuận. Phương án bảo đảm an ninh khu vực thi công được quy định trong Chương trình an ninh cảng hàng không.

5. Đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này được cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn với điều kiện không có án tích theo quy định của pháp luật và đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

a) Có trụ sở cơ quan hoặc phòng làm việc, quầy làm việc, nơi đặt thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ tại cảng hàng không, sân bay;

b) Được cơ quan, tổ chức chủ quản giao nhiệm vụ làm việc thường xuyên tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay trong thời gian trên 03 tháng liên tục;

c) Phục vụ trực tiếp nhiệm vụ an ninh quốc phòng liên quan đến hoạt động hàng không dân dụng hoặc vận chuyển hành khách bằng đường hàng không;

d) Phục vụ chuyên cơ theo quy định của pháp luật về chuyên cơ;

đ) Thực hiện nhiệm vụ chuyên trách đón, tiễn các đoàn khách quốc tế của các cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị, xã hội, cơ quan cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

e) Thường xuyên, chuyên trách đưa, đón các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương trở lên; Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Thứ trưởng Bộ Công an; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó tổng tham mưu trưởng, Cục trưởng Cục tác chiến Bộ Tổng tham mưu, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam; người điều khiển phương tiện quy định tại điểm b và c khoản 7 Điều này.

6. Người có nhiệm vụ, công việc đột xuất tại khu vực hạn chế của nhà ga, sân bay được xem xét cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn. Người được cấp thẻ có giá trị sử dụng ngắn hạn phải được hộ tống

khi vào, hoạt động trong khu vực cách ly; phải được hướng dẫn, giám sát khi vào, hoạt động trong khu vực hạn chế khác. Người hướng dẫn, giám sát phải thường xuyên quan sát hoạt động của người được hướng dẫn, giám sát; người hướng dẫn, giám sát, hộ tống phải có thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn phù hợp và thuộc một trong các đối tượng dưới đây:

a) Người thường xuyên làm việc tại khu vực hạn chế của cơ quan đề nghị cấp thẻ ngắn hạn;

b) Người của cơ quan chủ quản khu vực hạn chế;

c) Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, cảng vụ hàng không.

7. Phương tiện được cấp giấy phép có giá trị sử dụng dài hạn bao gồm:

a) Phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay;

b) Phương tiện thuộc quản lý của cơ quan Đảng, Nhà nước có nhiệm vụ phục vụ chuyên cơ;

c) Phương tiện thuộc quản lý của cơ quan Đảng, Nhà nước và chuyên phục vụ các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương trở lên; Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Thứ trưởng Bộ Công an; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Tổng tham mưu trưởng, Cục trưởng Cục tác chiến Bộ Tổng tham mưu, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

8. Phương tiện được cấp giấy phép có giá trị sử dụng ngắn hạn gồm:

a) Phương tiện sử dụng để đưa đón khách quốc tế từ cấp Bộ trưởng trở lên;

b) Phương tiện có nhiệm vụ đột xuất để: phục vụ chuyến bay chuyên cơ, thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; phục vụ hoạt động của cảng hàng không, sân bay tại khu vực hạn chế;

c) Các trường hợp đặc biệt do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm.

9. Phương tiện vào, hoạt động trong khu vực hạn chế của sân bay phải có nhân viên kiểm soát an ninh hàng không hoặc nhân viên có giấy phép khai thác phương tiện mặt đất hướng dẫn hoặc phương tiện của người khai thác cảng hàng không, sân bay dẫn đường trong các trường hợp sau:

a) Phương tiện được cấp giấy phép có giá trị sử dụng dài hạn nhưng người điều khiển phương tiện chỉ được cấp thẻ kiểm soát an ninh có giá trị sử dụng ngắn hạn;

b) Phương tiện được cấp giấy phép có giá trị sử dụng ngắn hạn;

c) Phương tiện hoạt động không thường xuyên trong khu bay.

10. Phạm vi cấp thẻ, giấy phép cụ thể như sau:

a) Người làm việc tại mỗi cảng hàng không, sân bay chỉ được cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn vào đúng cảng hàng không, sân bay nơi mình làm việc;

b) Người làm nhiệm vụ tại nhiều cảng hàng không được cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn vào các cảng hàng không, sân bay có nhiệm vụ; người có nhiệm vụ tại khu vực hạn chế nào chỉ được cấp thẻ vào khu vực hạn chế đó; người có nhiệm vụ trong khu vực hạn chế thời gian nào chỉ được cấp thẻ có giá trị sử dụng trong thời gian đó;

c) Đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này chỉ được cấp thẻ có giá trị sử dụng dài hạn vào cảng hàng không quốc tế;

d) Thẻ có giá trị sử dụng ngắn hạn, giấy phép có giá trị sử dụng dài hạn, ngắn hạn chỉ có giá trị sử dụng tại một cảng hàng không, sân bay.

11. Trong trường hợp áp dụng biện pháp an ninh tăng cường, khẩn nguy sân bay, người khai thác cảng hàng không, sân bay quyết định việc hạn chế người, phương tiện đã được cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh vào các khu vực hạn chế và báo cáo ngay Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không liên quan.

Điều 17. Kiểm tra án tích[10]

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị của người xin cấp thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng dài hạn chịu trách nhiệm kiểm tra án tích của người xin cấp thẻ tại cơ quan tư pháp trước khi làm thủ tục xin cấp thẻ đối với người được cơ quan, đơn vị đề nghị xin cấp thẻ lần đầu.

Điều 18. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không mất giá trị sử dụng và cấp lại thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không mất giá trị sử dụng trong các trường hợp sau:

---

[10] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

a) Thẻ, giấy phép bị hỏng; nội dung trên thẻ, giấy phép bị mờ;

b) Thẻ, giấy phép bị tẩy xóa, sửa chữa;

c) Thẻ, giấy phép bị mất;

d) Người được cấp thẻ không còn đáp ứng về đối tượng, điều kiện quy định tại các khoản 1 và 3 Điều 16 của Thông tư này;

đ) Phương tiện được cấp giấy phép không còn đáp ứng điều kiện quy định tại các khoản 6 và 8 Điều 16 của Thông tư này;

e) Thẻ, giấy phép hết hạn sử dụng;

g) Vì lý do đảm bảo an ninh;

h) Trường hợp chuyển công tác mà không trả lại thẻ, giấy phép cho đơn vị cấp.

2. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh được xem xét cấp lại trong những trường hợp sau:

a) Khi ban hành mẫu thẻ, giấy phép mới;

b) Còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, rách, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật;

c) Hết thời hạn sử dụng; bị mất; bị thu giữ do vi phạm hoặc bị kỷ luật; do thay đổi vị trí công tác.

Điều 19. Thủ tục cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cục Hàng không Việt Nam[11]

1. Cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục V kèm theo Thông tư này;

b) Đối với các doanh nghiệp phải có bản sao chứng thực của tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, chức năng nhiệm vụ của doanh nghiệp, trừ trường hợp là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

c) Danh sách trích ngang theo mẫu tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư này;

---

[11]Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

d) Tờ khai cá nhân của người đề nghị cấp thẻ theo mẫu quy định tại Phụ lục VII kèm theo Thông tư này có dán ảnh màu 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);

đ) 01 ảnh màu 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, ảnh chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ.

2. Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, cấp hoặc không cấp thẻ như sau:

a) Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp thẻ phù hợp quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp thẻ;

b) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp thẻ không phù hợp quy định, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản thông báo cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc có nội dung cần làm rõ, Cục Hàng không Việt Nam có công văn đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc đề nghị trực tiếp đến làm việc để làm rõ.

Điều 20. Thủ tục cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cục Hàng không Việt Nam[12]

1. Cơ quan đề nghị cấp lại thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam, hồ sơ cụ thể như sau:

a) Trường hợp cấp lại do ban hành mẫu thẻ mới, thẻ hết thời hạn sử dụng, hồ sơ theo quy định tại các điểm a, c, d và đ khoản 1 Điều 19 Thông tư này;

b) Trường hợp cấp lại do thẻ còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, rách, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật, hồ sơ theo quy định tại các điểm a, d khoản 1 Điều 19 Thông tư này và nộp lại thẻ bị mờ, rách, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật;

c) Trường hợp cấp lại do bị mất thẻ, hồ sơ theo quy định tại các điểm a, d khoản 1 Điều 21 Thông tư này và văn bản xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị;

---

[12]Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

d) Trường hợp cấp lại do bị thu giữ thẻ, hồ sơ theo quy định tại các điểm a và d khoản 1 Điều 19 của Thông tư này kèm theo văn bản nêu kết quả xử lý vi phạm, kỷ luật của cơ quan quản lý người bị thu thẻ;

đ) Trường hợp cấp lại do thay đổi vị trí công tác khác cơ quan, đơn vị, hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này; trường hợp thay đổi vị trí công tác trong cùng cơ quan, đơn vị, hồ sơ gồm công văn đề nghị theo mẫu tại Phụ lục V và danh sách trích ngang theo mẫu tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư này.

2. Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, cấp hoặc không cấp thẻ như sau:

a) Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp thẻ phù hợp quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp thẻ;

b) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp thẻ không phù hợp quy định, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản thông báo cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc có nội dung cần làm rõ, Cục Hàng không Việt Nam có công văn đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc yêu cầu cơ quan đề nghị cấp lại trực tiếp đến làm việc để làm rõ.

Điều 21. Thủ tục cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ hàng không[13]

1. Cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không, hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục V kèm theo Thông tư này;

b) Đối với các doanh nghiệp phải có bản sao chứng thực của tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, chức năng nhiệm vụ của doanh nghiệp, trừ trường hợp là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

---

[13]Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

c) Danh sách trích ngang theo mẫu tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư này;

d) Tờ khai cá nhân của người đề nghị cấp thẻ (trừ lực lượng Công an, Hải quan trực tiếp làm việc tại cảng hàng không và Cảng vụ hàng không) theo mẫu quy định tại Phụ lục VII kèm theo Thông tư này có dán ảnh màu 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);

đ) 01 ảnh màu 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, ảnh chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ.

2. Cảng vụ hàng không thẩm định, cấp hoặc không cấp thẻ như sau:

a) Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp thẻ phù hợp quy định, Cảng vụ hàng không thực hiện việc cấp thẻ;

b) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp thẻ không phù hợp quy định, Cảng vụ hàng không có văn bản thông báo cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc có nội dung cần làm rõ, Cảng vụ hàng không có công văn đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc đề nghị trực tiếp đến làm việc để làm rõ.

Điều 22. Thủ tục cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn Cảng vụ hàng không[14]

1. Cơ quan đề nghị cấp lại thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không, cụ thể như sau:

a) Trường hợp cấp lại do ban hành mẫu thẻ mới, thẻ hết thời hạn sử dụng, hồ sơ theo quy định tại các điểm a, c, d và đ khoản 1 Điều 21 Thông tư này;

b) Trường hợp cấp lại do thẻ còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, rách, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật, hồ sơ theo quy định tại các điểm a, d khoản 1 Điều 21 của Thông tư này và nộp lại thẻ bị mờ, rách, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật;

---

[14] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

c) Trường hợp cấp lại do bị mất thẻ, hồ sơ theo quy định tại các điểm a, d khoản 1 Điều 21 Thông tư này và văn bản xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị về nguyên nhân mất;

d) Trường hợp cấp lại do bị thu giữ thẻ, hồ sơ theo quy định tại các điểm a và d khoản 1 Điều 21 Thông tư này kèm theo văn bản nêu kết quả xử lý vi phạm, kỷ luật của cơ quan quản lý người bị thu thẻ;

đ) Trường hợp cấp lại do thay đổi vị trí công tác khác cơ quan, đơn vị, hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư này; trường hợp thay đổi vị trí công tác trong cùng cơ quan, đơn vị, hồ sơ gồm công văn đề nghị theo mẫu tại Phụ lục V và danh sách trích ngang theo mẫu tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư này.

2. Cảng vụ hàng không thẩm định, cấp hoặc không cấp thẻ như sau:

a) Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp thẻ phù hợp quy định, Cảng vụ hàng không thực hiện việc cấp thẻ;

b) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp thẻ không phù hợp quy định, Cảng vụ hàng không có văn bản thông báo cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc có nội dung cần làm rõ, Cảng vụ hàng không có công văn đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc yêu cầu cơ quan đề nghị cấp thẻ trực tiếp đến làm việc để làm rõ.

Điều 23. Thủ tục cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn của Cảng vụ hàng không

1. Cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp đến Cảng vụ hàng không và xuất trình một trong các giấy tờ còn hiệu lực (chứng minh nhân dân, chứng minh thư ngoại giao, hộ chiếu, thẻ Căn cước công dân, thẻ kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng dài hạn), hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Danh sách theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trong thời hạn không quá 60 phút kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không thẩm định hồ sơ, cấp thẻ; trường hợp không cấp thẻ, thông báo trực tiếp lý do cho người nộp hồ sơ.

3.[15] Cảng vụ hàng không phải thực hiện sao lưu các giấy tờ của cơ quan đề nghị cấp thẻ xuất trình theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 24. Thủ tục cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của người khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Hồ sơ bao gồm:

a) Danh sách cán bộ, nhân viên đề nghị cấp thẻ theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tờ khai cá nhân của người đề nghị cấp thẻ theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này có dán ảnh màu 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét, đóng dấu giáp lai (ảnh chụp trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);

c) 01 ảnh màu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

2. Sau 05 ngày làm việc kể từ khi cấp, người khai thác cảng hàng không, sân bay được ủy quyền phải gửi danh sách những người được cấp thẻ theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này cho Cảng vụ hàng không liên quan.

Điều 25. Thủ tục cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của người khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Hồ sơ cụ thể như sau:

a) Trường hợp cấp lại do ban hành mẫu thẻ mới, thẻ hết thời hạn sử dụng, hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Thông tư này;

b) Trường hợp cấp lại do thẻ còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, rách, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật, hồ sơ theo quy định tại các điểm a và c khoản 1 Điều 24 của Thông tư này và nộp lại thẻ bị mờ, rách, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật;

c) Trường hợp cấp lại do bị mất thẻ, hồ sơ theo quy định tại các điểm a và c khoản 1 Điều 24 của Thông tư này và văn bản xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị về thời gian, địa điểm, nguyên nhân mất thẻ;

---

[15] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

d) Trường hợp cấp lại do bị thu giữ thẻ do vi phạm hoặc bị kỷ luật, hồ sơ theo quy định tại các điểm a và c khoản 1 Điều 24 của Thông tư này kèm theo văn bản kết quả xử lý vi phạm, kỷ luật và bản kiểm điểm cá nhân có nhận xét đánh giá của cơ quan xử lý vi phạm, kỷ luật;

đ) Trường hợp cấp lại do thay đổi vị trí công tác, hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 của Thông tư này.

2. Sau 05 ngày làm việc kể từ khi cấp, người khai thác cảng hàng không, sân bay được ủy quyền phải gửi danh sách những người được cấp thẻ theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này cho Cảng vụ hàng không liên quan.

Điều 26. Thủ tục cấp mới giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay[16]

1. Cơ quan đề nghị cấp giấy phép cho phương tiện quy định tại khoản 7 Điều 16 nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức quản lý phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V kèm theo Thông tư này (trừ trường hợp người khai thác cảng hàng không, sân bay cấp giấy phép cho phương tiện của mình);

b) Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư này;

c) Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực.

2. Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay thẩm định, cấp hoặc không cấp giấy phép như sau:

a) Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp giấy phép phù hợp quy định, cơ quan cấp giấy phép thực hiện việc cấp giấy phép;

---

[16] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

b) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp giấy phép không phù hợp quy định, cơ quan cấp giấy phép có văn bản thông báo cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc có nội dung cần làm rõ, cơ quan cấp giấy phép có công văn đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc yêu cầu cơ quan đề nghị cấp giấy phép trực tiếp đến làm việc để làm rõ.

3. Sau 05 ngày làm việc kể từ khi cấp, người khai thác cảng hàng không, sân bay được ủy quyền phải gửi danh sách phương tiện được cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư này cho Cảng vụ hàng không liên quan.

Điều 27. Thủ tục cấp lại giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay[17]

1. Cơ quan đề nghị cấp giấy phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay, bao gồm:

a) Cấp lại do ban hành mẫu giấy phép mới, giấy phép hết thời hạn sử dụng, hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư này;

b) Cấp lại do giấy phép còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, rách, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật, hồ sơ theo quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 26 Thông tư này; cơ quan đề nghị cấp thẻ phải nộp lại giấy phép bị mờ, rách, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật;

c) Cấp lại do bị mất giấy phép, hồ sơ theo quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 26 Thông tư này; cơ quan đề nghị cấp thẻ phải có văn bản xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị về thời gian, địa điểm, nguyên nhân mất giấy phép.

2. Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay thẩm định, cấp, hoặc không cấp thẻ như sau:

a) Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp thẻ phù hợp quy định, cơ quan cấp thẻ thực hiện việc cấp thẻ;

---

[17] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

b) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu đối tượng, điều kiện cấp thẻ không phù hợp quy định, cơ quan cấp thẻ có văn bản thông báo cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc có nội dung cần làm rõ, cơ quan cấp thẻ có công văn đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc yêu cầu cơ quan đề nghị cấp thẻ trực tiếp đến làm việc để làm rõ.

3. Sau 05 ngày làm việc kể từ khi cấp, người khai thác cảng hàng không, sân bay phải gửi danh sách phương tiện được cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư này cho Cảng vụ hàng không liên quan.

Điều 28. Thủ tục cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn

1. Cơ quan đề nghị cấp giấy phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp đến cho cơ quan cấp giấy phép và xuất trình Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức quản lý phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trong thời hạn tối đa 60 phút kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp giấy phép thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép, thông báo trực tiếp lý do cho người nộp hồ sơ.

Điều 29. Thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn cho lực lượng công an và hải quan cửa khẩu tại các cảng hàng không, sân bay quốc tế

1. Cơ quan công an, hải quan cửa khẩu tại các cảng hàng không, sân bay quốc tế chịu trách nhiệm về hồ sơ, lý lịch, nhân thân, nhiệm vụ của người được cấp thẻ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Danh sách cán bộ, nhân viên làm việc thường xuyên tại cảng hàng không, sân bay quốc tế, bao gồm các thông tin về họ và tên, chức vụ, đơn vị làm việc, khu vực hoạt động của người đề nghị cấp thẻ;

c) Hai ảnh màu 04 cen-ti-mét x 06 cen-ti-mét (ảnh chụp mặc trang phục của ngành trên phông nền màu trắng, không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ) hoặc ảnh chụp trực tiếp tại cơ quan cấp thẻ.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không thẩm định hồ sơ và cấp thẻ. Trường hợp không cấp có văn bản trả lời nêu rõ lý do không cấp.

Điều 30. Quản lý, lưu trữ hồ sơ thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1. Hồ sơ cấp thẻ, giấy phép phải được lưu trữ, tiêu hủy theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

2. Tại nơi cấp thẻ, giấy phép phải niêm yết quy định về hồ sơ và quy trình cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không, thông báo trường hợp bất khả kháng ảnh hưởng đến thủ tục cấp thẻ, giấy phép.

3. Cục Hàng không Việt Nam hướng dẫn cụ thể về công tác quản lý và quy trình, biểu mẫu có liên quan trong việc tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay và chỉ đạo tổ chức thực hiện.

Điều 31. Thẩm định và giải trình trong việc cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay

1. Cơ quan cấp thẻ, giấy phép chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ và các nội dung sau đây để cấp thẻ, giấy phép:

a) Đối tượng cấp thẻ, giấy phép;

b) Điều kiện cấp thẻ, giấy phép;

c) Phạm vi cấp thẻ, giấy phép;

d) Thời hạn cấp thẻ, giấy phép;

đ) Cảng hàng không, khu vực hạn chế được cấp trong thẻ, giấy phép.

2. Cơ quan, đơn vị và cá nhân người đề nghị cấp thẻ, giấy phép có trách nhiệm giải trình và cung cấp các tài liệu chứng minh cho cơ quan cấp thẻ, giấy phép để làm rõ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này trong quá trình thẩm định hồ sơ.

3. Cơ quan cấp thẻ, giấy phép có quyền từ chối nếu đơn vị và cá nhân người đề nghị cấp thẻ, giấy phép từ chối giải trình và cung cấp tài liệu chứng minh hoặc vi phạm các quy định về việc quản lý, sử dụng thẻ, giấy phép hoặc phát hiện hành vi khai, xác nhận không trung thực trong hồ sơ đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

4. Việc cấp thẻ, giấy phép phải tuân thủ nguyên tắc làm việc tại cảng hàng không và khu vực hạn chế thì được cấp vào đúng cảng hàng không và khu vực hạn chế được phép hoạt động; đối tượng làm nhiệm vụ đến thời điểm nào thì cấp đến thời điểm đó.

Điều 32. Đối tượng, điều kiện, thủ tục cấp và quản lý thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ, thẻ nhận dạng tổ bay

1. Doanh nghiệp cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ, thẻ nhận dạng tổ bay phải quy định đối tượng, điều kiện được cấp thẻ, giấy phép; mẫu thẻ, giấy phép; hồ sơ, thủ tục cấp thẻ, giấy phép; trách nhiệm, thẩm quyền quản lý, cấp, thu hồi thẻ, giấy phép trong Chương trình an ninh, Quy chế an ninh được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt.

2. Mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ, thẻ nhận dạng tổ bay không được gây nhầm lẫn với mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay.

Điều 33. Quản lý, sử dụng thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không chỉ được phép sử dụng khi làm nhiệm vụ được giao, không được phép sử dụng cho mục đích cá nhân khác, sử dụng sai quy định hoặc có hành vi vi phạm sẽ bị tạm giữ, thu hồi.

2. Người được cấp thẻ, người sử dụng phương tiện được cấp giấy phép phải bảo quản, giữ gìn thẻ, giấy phép; không cho người khác sử dụng dưới bất cứ hình thức nào; không được tẩy xóa, làm sai lệch nội dung trên thẻ, giấy phép; trường hợp người, phương tiện được cấp thẻ, giấy phép không còn nhiệm vụ tại khu vực hạn chế, phải trả lại thẻ, giấy phép cho đơn vị cấp; trường hợp bị rách, mờ không rõ các nội dung trên thẻ, giấy phép phải xin cấp lại. Trường hợp bị mất phải báo ngay cho đơn vị cấp thẻ, giấy phép và cơ quan chủ quản của mình.

3. Người sử dụng thẻ, người sử dụng phương tiện được cấp giấy phép vi phạm quy định về an ninh, an toàn hàng không, gây rối trật tự kỷ luật tại cảng hàng không, sân bay; vi phạm quy định về sử dụng thẻ, giấy phép, không còn đáp ứng điều kiện cấp thẻ, giấy phép sẽ bị tạm giữ, thu hồi.

4. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được cấp thẻ, giấy phép chịu trách nhiệm:

a) Quy định việc quản lý và sử dụng thẻ, giấy phép của các cá nhân, phương tiện của đơn vị mình khi được cấp để bảo đảm sử dụng đúng mục đích; không được sử dụng thẻ cho mục đích cá nhân;

b) Thu hồi và bàn giao cho đơn vị cấp: thẻ, giấy phép mất giá trị sử dụng quy định tại khoản 1 Điều 18 của Thông tư này, ngoại trừ thẻ, giấy phép hết hạn sử dụng; thẻ, giấy phép bị thu hồi theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; thông báo ngay bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này các trường hợp mất thẻ, giấy phép cho đơn vị cấp thẻ, giấy phép;

c) Tiêu hủy thẻ, giấy phép hết hạn sử dụng.

5. Cán bộ, nhân viên thuộc các cơ quan quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu tại cửa khẩu sử dụng thẻ kiểm soát an ninh hàng không để ra, vào khu vực hạn chế, không phải đeo thẻ trong quá trình làm việc theo quy định.

6. Cơ quan cấp thẻ, giấy phép phải thông báo ngay bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này các trường hợp mất thẻ, giấy phép do đơn vị mình cấp cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, lực lượng bảo vệ khu vực hạn chế ghi trên thẻ, giấy phép bị mất và Cục Hàng không Việt Nam để kịp thời ngăn chặn việc sử dụng thẻ, giấy phép đã mất.

Mục 2. KIỂM SOÁT AN NINH KHU VỰC HẠN CHẾ VÀ KHU VỰC CÔNG CỘNG

Điều 34. Thiết lập khu vực hạn chế

1. Căn cứ thực tế cơ sở hạ tầng và hoạt động hàng không dân dụng, các khu vực hạn chế sau đây phải được thiết lập:

a) Khu vực hành khách sau khi đã kiểm tra soi chiếu người và hành lý chờ để đi tàu bay (khu vực cách ly);

b) Khu vực sân đỗ tàu bay, đường hạ cất cánh, đường lăn và các khu vực khác trong sân bay (sân bay);

c) Khu vực phục vụ hành lý ký gửi sau khi đã được kiểm tra an ninh hàng không để đưa lên tàu bay (khu vực phân loại hành lý);

d) Khu vực dành cho hành khách quá cảnh, nối chuyến chờ để chuyển tiếp chuyến bay (khu vực quá cảnh);

đ) Khu vực phục vụ hàng hóa, bưu gửi sau khi đã kiểm tra soi chiếu để đưa lên tàu bay (khu vực phân loại, lưu giữ, chất xếp hàng hóa, bưu gửi);

e) Nhà khách phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyến bay ưu tiên;

g) Khu vực giao nhận hành lý cho hành khách tại nhà ga đến;

h) Khu vực bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt tàu bay;

i) Khu vực sản xuất, chế biến, cung ứng suất ăn;

k) Khu vực kho nhiên liệu cung cấp cho tàu bay;

l) Trung tâm hiệp đồng khẩn nguy cảng hàng không; Trung tâm chỉ huy điều hành bay; khu vực đài kiểm soát không lưu; khu vực trạm ra đa, thông tin VHF;

m) Trạm cấp điện, nước của cảng hàng không, sân bay;

n)[18] Khu vực từ điểm soi chiếu hành lý ký gửi vào bên trong nhà ga;

o)[19] Khu vực từ điểm soi chiếu hàng hóa, bưu gửi để vận chuyển bằng tàu bay vào bên trong nhà ga, nhà kho.

2. Căn cứ khoản 1 Điều này, người khai thác cảng hàng không, sân bay chủ trì phối hợp với Cảng vụ hàng không và các cơ quan, đơn vị liên quan xác định các khu vực hạn chế và ranh giới cụ thể của từng khu vực hạn chế thuộc nhà ga, sân bay và khu vực hạn chế thuộc quyền quản lý, khai thác riêng của người khai thác cảng hàng không, sân bay khi xây dựng Chương trình an ninh hàng không.

3. Căn cứ khoản 1 Điều này, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay chủ trì phối hợp với Cảng vụ hàng không và các cơ quan, đơn vị liên quan xác định khu vực hạn chế và ranh giới cụ thể của từng khu vực hạn chế thuộc quyền quản lý, khai thác đối với khu vực nằm ngoài nhà ga, sân bay khi xây dựng Quy chế an ninh hàng không; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, cơ sở xử lý hàng hóa, bưu gửi thiết lập khu vực hạn chế đối với các khu vực không thuộc cảng hàng không, sân bay.

---

[18] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[19] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

4. Trong trường hợp phải tăng cường đảm bảo an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay, xét thấy cần thiết tạm thời thiết lập khu vực hạn chế mới, người khai thác cảng hàng không, sân bay thiết lập và thông báo ngay cho Cảng vụ hàng không, các cơ quan, đơn vị hoạt động thường xuyên tại khu vực đó. Việc thiết lập tạm thời khu vực hạn chế phải đảm bảo yêu cầu sau:

a) Có thời hạn;

b) Có hàng rào cứng hoặc mềm làm ranh giới; có biển, tín hiệu cảnh báo phù hợp;

c) Có điểm kiểm tra an ninh hàng không và bố trí nhân viên kiểm soát an ninh hàng không để kiểm tra, giám sát trong thời gian thiết lập;

d) Có biện pháp bảo đảm an ninh hàng không phù hợp;

đ) Nếu thời hạn thiết lập tạm thời khu vực hạn chế trên 24 giờ thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của Cục Hàng không Việt Nam.

5.[20] Thiết lập các khu vực hạn chế và áp dụng các biện pháp kiểm tra, giám sát an ninh hàng không cho từng khu vực hạn chế phải phù hợp với mục đích bảo đảm an ninh hàng không và không gây cản trở cho người, phương tiện ra, vào, hoạt động bình thường tại khu vực hạn chế. Cơ quan, đơn vị thiết lập khu vực hạn chế phải có biển cảnh báo "KHU VỰC HẠN CHẾ" đặt ở các vị trí thích hợp, dễ quan sát, tiếp giáp giữa khu vực hạn chế và khu vực công cộng.

Điều 35. Quy định về việc ra, vào và hoạt động tại khu vực hạn chế

1. Người, phương tiện khi ra, vào và hoạt động tại khu vực hạn chế phải có thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không được phép ra, vào khu vực đó.

2. Thẻ phải đeo ở vị trí phía trước ngực bảo đảm quan sát được mặt trước của thẻ trong suốt thời gian hoạt động trong khu vực hạn chế, trừ trường hợp cán bộ, nhân viên thuộc các đơn vị công an, hải quan cửa khẩu tại cảng hàng không, sân bay khi đang làm nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; giấy phép phải để ở phía trước buồng lái hoặc tại vị trí dễ nhận biết của phương tiện.

3. Người, đồ vật mang theo, phương tiện ra, vào khu vực hạn chế phải đúng cổng, cửa quy định, tuân thủ sự hướng dẫn và các quy định về an ninh, an toàn, khai thác tại khu vực hạn chế; chịu sự kiểm tra, giám sát an ninh hàng không thích hợp.

---

[20] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

4.[21] Người, phương tiện sử dụng thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn khi hoạt động trong khu vực hạn chế phải tuân thủ quy định tại khoản 6, khoản 9 Điều 16 Thông tư này.

5. Phương tiện hoạt động trong khu vực hạn chế phải chạy đúng luồng, tuyến, đúng tốc độ, dừng, đỗ đúng vị trí quy định; chịu sự kiểm tra, giám sát và tuân theo sự hướng dẫn của nhân viên kiểm soát an ninh hàng không, nhân viên bảo vệ làm nhiệm vụ tại khu vực đó.

6. Việc tổ chức quay phim, chụp ảnh trong khu vực hạn chế không thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải được đơn vị chủ quản cho phép bằng văn bản.

7. Trong trường hợp thực hiện nhiệm vụ khẩn nguy, cứu nạn, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ quản của người và phương tiện tham gia thực hiện nhiệm vụ khẩn nguy, cứu nạn có trách nhiệm phối hợp với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, lực lượng bảo vệ của đơn vị chủ quản khu vực hạn chế để kiểm soát hoạt động của người và phương tiện mà không cần thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không, kiểm soát an ninh nội bộ.

8. Trong khu vực hạn chế, hành lý ký gửi, hàng hóa, bưu gửi phải được bảo đảm nguyên vẹn:

a) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị hoạt động tại cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống trộm cắp tài sản trong hành lý ký gửi và hàng hóa, bưu gửi thuộc phạm vi trách nhiệm của mình. Cảng vụ hàng không giám sát việc thực hiện quy định này của các đơn vị;

b) Người khai thác cảng hàng không, sân bay, các doanh nghiệp phục vụ hàng hóa, phục vụ mặt đất chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình, thủ tục, tiêu chuẩn trong dây chuyền phục vụ hành lý, hàng hóa;

c) Người khai thác cảng hàng không, sân bay chủ trì ban hành quy định cụ thể danh mục người, phương tiện được phép ra, vào cho từng cổng, cửa, lối đi cụ thể; quy định danh mục đồ vật nhân viên không được mang theo người vào làm việc tại các khu vực hạn chế;

---

[21] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 17 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

đ) Các hãng hàng không thông tin, tuyên truyền cho hành khách biết các quy định về vận chuyển đồ vật có giá trị cao trong hành lý ký gửi; các thủ tục khiếu nại, khiếu kiện và đền bù trong trường hợp bị mất mát, thất lạc hành lý trong quá trình vận chuyển;

e) Các biện pháp cụ thể về công tác phòng, chống trộm cắp tài sản được quy định cụ thể trong Chương trình an ninh hàng không và Quy chế an ninh hàng không của các doanh nghiệp.

Điều 36. Quy định về việc mang vật phẩm nguy hiểm vào khu vực hạn chế

1. Việc mang, quản lý, sử dụng vật phẩm nguy hiểm trong khu vực hạn chế phải được quy định cụ thể trong Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không có liên quan trên cơ sở Danh mục các vật phẩm nguy hiểm cấm hoặc hạn chế mang theo người và hành lý lên tàu bay do Cục Hàng không Việt Nam ban hành.

2. Đơn vị sử dụng vật phẩm nguy hiểm là công cụ phục vụ cho công việc của các cơ quan, đơn vị trong khu vực hạn chế quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều 34 của Thông tư này phải đăng ký với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không và chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát an ninh hàng không khu vực đó.

3. Đơn vị chủ quản tổ chức quản lý và chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng, đảm bảo an ninh, an toàn đối với vật phẩm nguy hiểm quy định tại khoản 2 của Điều này.

Điều 37. Điểm kiểm tra an ninh hàng không tại cổng, cửa, lối đi giữa khu vực công cộng và khu vực hạn chế

1. Tại các cổng, cửa, lối đi từ khu vực công cộng vào khu vực hạn chế phải thiết lập các điểm kiểm tra an ninh hàng không.

2. Tại mỗi điểm kiểm tra an ninh hàng không phải có các tài liệu sau đây:

a) Quy trình kiểm tra người, đồ vật, phương tiện khi ra, vào khu vực hạn chế;

b) Mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không được phép vào khu vực;

c) Danh sách những người, phương tiện bị mất thẻ, giấy phép; bị thu hồi nhưng không nộp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không;

d) Danh bạ các số điện thoại liên quan và các biểu mẫu, biên bản, phiếu đăng ký vật phẩm nguy hiểm, thiết bị điện tử, thiết bị đặc chủng, đồ vật có giá trị cao, phương tiện vào khu vực hạn chế;

đ) Sổ giao ca, ghi chép tình hình và kết quả kiểm tra, giám sát an ninh.

3. Tại điểm kiểm tra an ninh hàng không phải có biển báo, chỉ dẫn thích hợp, bố trí nhân viên, thiết bị an ninh thích hợp để bảo đảm việc kiểm tra an ninh hàng không được duy trì liên tục. Cổng, cửa, hàng rào di động tại điểm kiểm tra an ninh hàng không phải luôn trong trạng thái đóng (khóa) và chỉ được mở khi người, phương tiện đã được kiểm tra, đủ điều kiện ra, vào.

4. Phải có ca-me-ra giám sát an ninh, bố trí máy soi tia X, cổng từ và thiết bị phát hiện kim loại cầm tay để kiểm tra, soi chiếu người, đồ vật, hành lý từ khu vực công cộng vào các khu vực hạn chế được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, h, i và k khoản 1 Điều 34 của Thông tư này và Trung tâm chỉ huy điều hành bay (trừ các cổng, cửa, lối đi được thiết lập tạm thời).

Điều 38. Giám sát an ninh, tuần tra, canh gác tại khu vực hạn chế

1. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phải tổ chức giám sát liên tục đối với hành khách, người, phương tiện hoạt động trong các khu vực hạn chế bằng các biện pháp thích hợp nhằm phát hiện những biểu hiện nghi ngờ, ngăn chặn kịp thời những hành vi vi phạm; kiểm tra, xử lý hành lý, đồ vật không xác nhận được chủ và thực hiện các biện pháp an ninh hàng không khác.

2. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phải tổ chức tuần tra, canh gác để kịp thời ngăn chặn người, phương tiện, gia súc xâm nhập vào các khu vực hạn chế hoặc vi phạm các quy định bảo đảm an ninh, an toàn hàng không.

3. Tại cảng hàng không, sân bay dùng chung giữa dân dụng và quân sự, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không thỏa thuận bằng văn bản với đơn vị quân đội đóng tại cảng hàng không, sân bay thực hiện tuần tra, canh gác, bảo vệ khu vực giáp ranh giữa khu vực sử dụng cho hoạt động hàng không dân dụng và khu vực sử dụng cho hoạt động quân sự.

4. Việc tổ chức giám sát, tuần tra, canh gác được mô tả chi tiết trong Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không có liên quan.

Điều 39. Kiểm tra, giám sát an ninh đối với người, phương tiện, đồ vật khi vào, ra và hoạt động tại khu vực hạn chế mà không phải hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi và đồ vật đưa lên tàu bay

1. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không, nhân viên bảo vệ chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát an ninh đối với người, phương tiện, đồ vật đưa vào, ra và hoạt động tại khu vực hạn chế.

2.[22] Người, phương tiện, đồ vật đưa vào khu vực hạn chế ngoại trừ đối tượng quy định tại khoản 10 Điều này phải được kiểm tra an ninh hàng không các nội dung sau:

a) Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không;

b) Người và đồ vật mang theo;

c) Phương tiện và đồ vật trên phương tiện đó;

d) Vật phẩm nguy hiểm.

3. ***(được bãi bỏ)***[23]

4. Người, phương tiện, đồ vật đưa ra ngoài khu vực hạn chế được lực lượng kiểm soát an ninh hàng không kiểm tra khi có biểu hiện nghi ngờ như: trộm cắp tài sản, buôn lậu và gian lận thương mại hoặc trong các trường hợp tăng cường bảo đảm an ninh hàng không hoặc theo chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Nội dung kiểm tra gồm:

a) Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không;

b) Người và đồ vật mang theo;

c) Phương tiện và đồ vật trên phương tiện đó;

d) Vật phẩm nguy hiểm.

5. Quy trình kiểm tra người như sau:

a) Kiểm tra thẻ kiểm soát an ninh hàng không, quan sát đối chiếu thực tế;

b) Kiểm tra người bằng cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay ở những nơi có cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay. Khi cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay báo động thì phải tiếp tục kiểm tra trực quan. Kiểm tra trực quan ngẫu nhiên tối thiểu 5% trong trường hợp cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay không có báo động. Kiểm tra trực quan tại những điểm không có cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay;

---

[22] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[23] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 19 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

c) Thứ tự, động tác kiểm tra thẻ, kiểm tra trực quan, sử dụng thiết bị phát hiện kim loại cầm tay; quy trình kiểm tra bằng cổng từ được quy định cụ thể trong Chương trình an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay, Quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không.

6. Quy trình kiểm tra đồ vật như sau:

a) Đưa đồ vật qua máy soi tia X ở những nơi có máy soi tia X. Khi qua máy soi tia X có nghi ngờ thì tiếp tục tiến hành kiểm tra trực quan;

b) Kiểm tra trực quan đồ vật tại những điểm không có máy soi tia X;

c) Thứ tự, động tác kiểm tra trực quan, kiểm tra bằng máy soi tia X được quy định cụ thể trong Chương trình an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay, Quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không.

7. Quy trình kiểm tra phương tiện như sau:

a) Yêu cầu người điều khiển phương tiện và những người đi cùng rời khỏi phương tiện;

b) Kiểm tra giấy phép của phương tiện;

c) Quan sát, kiểm tra bên ngoài phương tiện;

d) Dùng gương soi kiểm tra gầm, bề mặt phía trên của phương tiện;

đ) Kiểm tra trực quan bên trong buồng lái của phương tiện;

e) Kiểm tra khoang chở người, hàng của phương tiện (trừ các trường hợp khoang chở hàng được niêm phong theo quy định);

g) Kiểm tra các niêm phong của phương tiện, hàng hóa chuyên chở trên phương tiện;

h) Thứ tự, động tác kiểm tra trực quan và sử dụng gương soi gầm, bề mặt phía trên của phương tiện được quy định cụ thể trong Chương trình an ninh hàng không của cảng hàng không, sân bay, Quy chế an ninh hàng không của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không.

8.[24] Quy định về việc kiểm soát đồ vật mang vào, ra khu vực hạn chế:

---

[24] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 20 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

a) Tại điểm kiểm tra an ninh hàng không phải lưu giữ tờ khai theo mẫu quy định tại Phụ lục XXVI kèm theo Thông tư này. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không kiểm tra đồ vật mang vào, ra khu vực hạn chế tại điểm kiểm tra an ninh hàng không và kiểm tra ngẫu nhiên, đột xuất khi có dấu hiệu bất thường;

b) Trường hợp người thường xuyên ra, vào khu vực hạn chế cảng hàng không, sân bay thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chủ quản có trách nhiệm cung cấp cho người khai thác cảng hàng không, sân bay danh sách nhân viên và đồ vật mang theo người thường xuyên vào, ra để lực lượng kiểm soát an ninh hàng không đối chiếu, kiểm soát;

c) Trường hợp người ngoài danh sách quy định tại điểm b khoản này hoặc người có trong danh sách quy định tại điểm b khoản này nhưng mang đồ vật không có trong danh sách đăng ký hoặc đồ vật quá số lượng đăng ký khi đi qua điểm kiểm tra an ninh hàng không phải thực hiện kê khai đồ vật mang vào, ra theo mẫu tại Phụ lục XXVI kèm theo Thông tư này và vào, ra cùng một cửa. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không tại điểm kiểm tra an ninh hàng không phải thu tờ khai, đối chiếu với các đồ vật mang vào, ra và ghi nhận sự thay đổi về số lượng nếu có sử dụng trong khu vực hạn chế;

d) Người khai thác cảng hàng không, sân bay quy định cụ thể danh mục và quy trình đăng ký, kiểm soát đồ vật vào, ra khu vực hạn chế cảng hàng không;

đ) Sổ sách, tài liệu về việc kiểm soát đồ vật mang vào, ra khu vực hạn chế phải được quản lý và lưu giữ theo quy định về lưu trữ.

9. Quy trình kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với từng khu vực hạn chế cụ thể phải được mô tả chi tiết trong Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không của đơn vị.

10.[25] Lực lượng Công an cửa khẩu đang làm nhiệm vụ tại cảng hàng không, sân bay khi đi qua điểm kiểm tra an ninh hàng không không phải cởi áo khoác, mũ, giầy, dép, thắt lưng; người, tài liệu, phương tiện nghiệp vụ khi đi qua cổng từ không phải thực hiện kiểm tra trực quan. Nội dung kiểm tra gồm:

a) Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không;

---

[25] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

b) Đồ vật mang theo, trừ quân phục, tài liệu, phương tiện nghiệp vụ;

c) Phương tiện di chuyển và đồ vật trên phương tiện đó;

d) Vật phẩm nguy hiểm.

11.[26] Cục An ninh cửa khẩu, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm bảo đảm sỹ quan, chiến sỹ trực thuộc không mang theo vật phẩm nguy hiểm trái quy định vào khu vực hạn chế cảng hàng không, sân bay. Nhân viên kiểm soát an ninh hàng không không đồng ý để sỹ quan, chiến sỹ Công an cửa khẩu vào khu vực hạn chế trong trường hợp sỹ quan, chiến sỹ Công an có biểu hiện bất thường, đồng thời thông báo ngay cho lãnh đạo đơn vị Công an cửa khẩu tại cảng hàng không, sân bay; nhân viên an ninh hàng không đồng ý để sỹ quan, chiến sỹ Công an có biểu hiện bất thường vào khu vực hạn chế khi có ý kiến chấp thuận của lãnh đạo đơn vị Công an cửa khẩu.

Điều 40. Biển báo, chỉ dẫn tại khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay

1.[27] Người khai thác cảng hàng không, sân bay chủ trì, phối hợp với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không và các cơ quan công an, giao thông phân luồng, tuyến và lắp đặt các loại biển báo, biển chỉ dẫn tại các trục đường giao thông công cộng nội cảng, bãi đỗ xe, khu vực đón tiễn dành cho hành khách và các khu vực công cộng khác thuộc trách nhiệm quản lý, khai thác của người khai thác cảng hàng không, sân bay.

2. Người, phương tiện đi lại và hoạt động tại các khu vực công cộng phải tuân thủ quy định của pháp luật về giao thông đường bộ, các quy định của cảng hàng không, sân bay, chấp hành theo sự hướng dẫn của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, quy định về đảm bảo an ninh, an toàn hàng không, trật tự an toàn xã hội, giữ gìn văn minh, lịch sự.

---

[26] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

[27] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

Điều 41. Kiểm tra, giám sát an ninh khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay

1. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không chủ trì, phối hợp với cơ quan công an thiết lập các chốt kiểm soát, bố trí nhân viên kiểm soát an ninh hàng không, thiết bị phù hợp để tuần tra, giám sát, hướng dẫn người và phương tiện tham gia giao thông; duy trì trật tự tại các khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay; phối hợp với Cảng vụ hàng không liên quan, lực lượng công an, quân đội, chính quyền địa phương trong trường hợp cần tăng cường bảo đảm an ninh hàng không, trật tự công cộng, xử lý vi phạm.

2. Việc bố trí lực lượng tuần tra, giám sát, thiết bị chuyên dụng, trình tự kiểm tra, giám sát an ninh phải bảo đảm phát hiện và xử lý kịp thời đồ vật, hành lý, hàng hóa, phương tiện không xác nhận được chủ, hành vi gây rối, vi phạm pháp luật tại khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay và phải được mô tả cụ thể trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không.

3.[28] Người khai thác cảng hàng không, sân bay, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không và các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan tại cảng hàng không phối hợp phân luồng, tuyến, các khu vực hoạt động đón, tiễn của hành khách, khu vực cung cấp dịch vụ của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tại khu vực công cộng cảng hàng không; thiết lập các chốt kiểm soát an ninh hàng không, tổ chức tuần tra, kiểm soát an ninh hàng không ở khu vực công cộng để bảo đảm trật tự, hạn chế, điều tiết số lượng người, phương tiện vào, hoạt động tại khu vực sân đỗ ô tô, luồng giao thông nội cảng, khu vực làm thủ tục hàng không và các khu vực công cộng khác tại cảng hàng không, sân bay. Trách nhiệm cụ thể của các cơ quan, đơn vị được quy định trong Chương trình an ninh hàng không cảng hàng không.

4. Đồ vật, hành lý, tài sản của hành khách đi tàu bay hoặc người đưa tiễn gửi ở khu vực trông giữ tại khu vực công cộng của nhà ga hành khách phải được kiểm tra an ninh hàng không trước khi tiếp nhận bằng các biện pháp thích hợp.

Điều 42. Bảo đảm an ninh khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay

1. Cảng vụ hàng không chủ trì cùng với người khai thác cảng hàng không, sân bay phối hợp với Ủy ban nhân dân địa phương liên quan thực hiện công tác tuyên

---

[28] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 23 Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

truyền các quy định về an ninh, an toàn hàng không cho người dân cư trú trong khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay.

2. Cảng vụ hàng không cùng với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương liên quan trong việc bảo đảm thực hiện các quy định về an ninh hàng không; ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật tại khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay.

3. Cảng vụ hàng không, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phối hợp với cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng, cơ quan, đơn vị liên quan tại địa phương tổ chức đánh giá các vị trí có nguy cơ tấn công tàu bay bằng tên lửa phòng không vác vai.

4. Cảng vụ hàng không, lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phối hợp với công an các cấp khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay xây dựng và thực hiện phương án phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi can thiệp bất hợp pháp tại cảng hàng không, sân bay đối với tàu bay, việc sử dụng tên lửa phòng không vác vai và các loại vũ khí khác để tấn công tàu bay trong giai đoạn cất, hạ cánh.

5. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, lực lượng bảo vệ của các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với công an cấp phường, xã khu vực liên quan tuần tra khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay, khu vực hạn chế bên ngoài cảng hàng không, sân bay khi có yêu cầu nhằm phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật.

(Xem tiếp Công báo số 797 + 798)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng